

CẢM HỨNG BI KỊCH TRONG TIỂU THUYẾT *CHIM ÉN BAY* CỦA NGUYỄN TRÍ HUÂN

Ngô Thu Thủy*

Khoa Ngữ Văn, Trường ĐH Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Tiểu thuyết *Chim én bay* của Nguyễn Trí Huân được viết năm 1987, đã đạt giải thưởng Văn học Bộ Quốc phòng 1985 - 1989 và Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 1988 - 1989. Viết về chiến tranh bằng cái nhìn thế sự, nhà văn đã khai thác những mất mát, đau thương, những vết thương trong tâm khảm con người... Cảm hứng bi kịch trong tác phẩm được thể hiện khá rõ qua số phận của nhân vật Quy, gắn liền với những hồi ức bi thảm về chiến tranh, những khát vọng đau đớn về tình yêu, hạnh phúc và những trăn trở, day dứt về hiện tại... Với kỹ thuật dòng ký ức, Nguyễn Trí Huân đã nhìn sâu vào bi kịch của nhân vật, từ đó đặt ra những vấn đề bức thiết và có ý nghĩa về việc giải quyết hậu quả của chiến tranh sau chiến tranh.

Từ khóa: *Cảm hứng bi kịch, Chim én bay, Nguyễn Trí Huân, chiến tranh, nhân vật, dòng ký ức*

Nằm trong dòng tiểu thuyết viết về chiến tranh sau chiến tranh, *Chim én bay* của Nguyễn Trí Huân kể về một câu chuyện khá đặc biệt. Đó là cuộc đấu tranh không kém phần căng thẳng và quyết liệt của các em nhỏ với kẻ thù và những di họa của cuộc chiến ấy. Khai thác những mất mát, những vết thương sâu thẳm của con người trong và sau cuộc chiến, tiểu thuyết *Chim én bay* của Nguyễn Trí Huân mang đậm dấu ấn của cảm hứng bi kịch - cảm hứng xuất hiện khá đậm đặc trong văn học viết về chiến tranh sau 1975.

Viết về cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của dân tộc, văn học 1945 - 1975 được coi là bản hùng ca chiến trận. Do yêu cầu lịch sử, văn học dành những trang đẹp nhất, hào sảng nhất về cuộc chiến và những người con ưu tú của đất nước. Nhìn chiến tranh ở phần sáng của nó, văn học trước 1975 mang đậm chất sử thi với cảm hứng lãng mạn sôi nổi, chất anh hùng ca và giọng điệu ngợi ca, khẳng định... Bước ra cuộc chiến, đối diện với hiện thực cuộc sống bề bộn, ngổn ngang, nhà văn có khoảng cách cần thiết để nhìn nhận, chiêm nghiệm lại, văn học có điều kiện soi chiếu cận cảnh những được - mất, sáng - tối... của chiến tranh. Chiến tranh được nhìn nhận bằng sự trải nghiệm của chính cá nhân. Văn học tập trung khai thác mặt trái của chiến tranh, nhìn

thấy những vấn đề nhân bản: số phận dân tộc và số phận con người trong chiến tranh, đặc biệt sau chiến tranh, vấn đề tha hóa nhân cách, nhân tính con người... Cảm hứng bi kịch hình thành từ đó.

Tiểu thuyết *Chim én bay* từ tiêu đề, lời đề tựa đến kết thúc đều có hình ảnh *chim én* nhỏ bé, bình yên nhưng câu chuyện tác giả kể thì hoàn toàn đối lập. Quy - cánh chim nhỏ bé của đội *Chim én* có một cuộc đời và số phận không hề bình lặng, thậm chí nghiệt ngã và cay đắng. Cảm hứng bi kịch trong tiểu thuyết gắn liền với nỗi buồn sâu lắng, nỗi day dứt, khắc khoải trong những dòng ký ức, tâm trạng và các mối quan hệ của nhân vật (từ quá khứ đến hiện tại, từ chiến tranh đến hòa bình).

KÝ ỨC KINH HOÀNG VỀ CHIẾN TRANH

Chim én bay là một tiểu thuyết thành công với kỹ thuật *dòng ý thức*. Gần 200 trang trong cuốn sách, người đọc luôn thấy hiện tại và quá khứ đan xen, đồng hiện trong tâm hồn nhân vật Quy. Điều đặc biệt trong cuốn tiểu thuyết, nhà văn chọn nhân vật là một đứa trẻ - 11 tuổi. 11 tuổi nhưng Quy đã trở thành nạn nhân của chiến tranh. Chiến tranh là ký ức kinh hoàng về cái chết của những người thân: cha, anh và chị. Cái mùa đông nặng nề, u ám năm 1969 ấy đã đeo bám ký ức của chị suốt đời khi chị chứng kiến cái chết của anh, nỗi bất lực đến đau đớn của cha: "*khuôn mặt méo*

* Tel: 0912.551.751

xệch, đôi mắt trống rỗng như hai lỗ thủng lớn” [2]. Chiến tranh gắn liền với sự hủy diệt và cái chết. Điều đó đã được khắc họa, mô tả rõ ràng, trần trụi trong hàng loạt tác phẩm viết về chiến tranh sau năm 1975 (*Đất trắng* - Nguyễn Trọng Oánh, *Ký sự miền đất lửa* - Nguyễn Sinh, Vũ Kỳ Lân, *Miền cháy* - Nguyễn Minh Châu, *Nỗi buồn chiến tranh* - Bảo Ninh...). Nhưng ám ảnh, day dứt trong *Chim én bay* là cái nhìn, tâm trạng của trẻ thơ trước sự hủy diệt ấy: “Trong cuộc đời mỗi người, có rất nhiều điều đáng ghi xương khắc cốt. Đối với chị, đó là những cái chết thảm khốc của những con người ruột thịt” [2]. Đó là cái giây phút chiếc khuyên ở ngón tay áp út của anh Dương lóe sáng, là đám bụi bám trên đôi mắt còn mở trừng trừng của chị Hảo, là cảm giác trống vắng không sao bù đắp được khi chị từ khu nghĩa địa trở về sau cái chết của cha...

Những đứa trẻ như Quy đã phải lớn nhanh trước tuổi bởi mối thù đè nặng trong tim trong óc. Nghiệt ngã, đau đớn hơn khi những đứa trẻ ấy buộc phải “bức bối và liều lĩnh đến quyết liệt trong hành động, dừ dằn đến khác thường trong ý chí, thuần thực đến kinh ngạc trong việc sử dụng súng đạn” [3]. Quy, Thêm, Dũng, Dũng nhỏ... đều ngơ ngác đến tội nghiệp khi bị cuốn vào guồng quay khủng khiếp của chiến tranh, khi phải cầm súng nã đạn vào kẻ thù... ở cái tuổi lẽ ra được cắp sách đến trường, được vui chơi, ca hát... “Bốn năm trời, chị đã bị cuốn vào một cuộc sống lẽ ra không nên có ở tuổi thiếu niên của chị. Nhưng chiến tranh là như vậy. Cái không bình thường đã trở nên bình thường. Từng có một thời, sự chém giết đã trở thành những hoạt động tự nhiên, tất yếu của con người”. Cũng từng có một thời, người ta “bình thản trước cái chết”, “đúng hơn, người ta không kịp đau đớn, đã phải gồng lên để đối phó chống trả với những cái chết khác đang nhắm nhe nhằm vào chính bản thân họ” [2].

“Tác phẩm là một luận đề về sự đối lập nghiệt ngã giữa số phận trẻ em và chiến tranh” [1]. Đội *Chim én* gồm những đội viên là những em nhỏ nhưng phải làm nhiệm vụ diệt ác. ... Tác giả không miêu tả kỹ càng, chỉ kể vài trận đánh của Dũng, Quy... diệt những

tên ác ôn, tên phản bội như Sang, Linh cộp, Hai Dích, quận phó cảnh sát Thường, Giám Tuân... nhưng người đọc vẫn kịp hình dung cuộc chiến đấu nặng nề, căng thẳng và đầy cam go của các em nhỏ với kẻ thù. Đặc biệt là Quy. Quy từ một cô bé nhạy cảm, nhút nhát, giàu lòng trắc ẩn “không thể nào quen được với máu người”, “không đủ sức làm việc này” ... “đã trở nên dày dạn có thể nhìn kẻ thù giẫy chết với đôi mắt thật điềm tĩnh”. “Hình như khi đã trải qua những gì khủng khiếp nhất, con người trở nên lì lợm, bất chấp tất cả” [2].

Gia đình Quy rất cực chỉ còn trông cậy vào mình chị. Tổ *Chim én* của Quy vốn có 3 người: Dũng, Thêm, Quy thì chị lần lượt chứng kiến hai cái chết bi thảm của bạn mình. Chiến tranh đã cướp mất của chị những người thân, cướp đi tuổi thơ hồn nhiên, trong sáng, cướp mất đời con gái khi chị chưa kịp trở thành thiếu nữ và đau đớn dai dẳng hơn, những ngón đòn tra tấn thâm độc của kẻ thù đã cướp mất khả năng làm mẹ của chị. “Có thể nói không quá rằng, chiến tranh đã cướp đi tất cả những gì cần thiết nhất cho một đời sống bình thường của chị” [2]. Quy cũng giống như bao nhân vật bị kịch khác sau cuộc chiến (*Lực - Cỏ lau*, *Kiên - Nỗi buồn chiến tranh*...) nhưng có lẽ nỗi đau của chị khiến người đọc bị day dứt, ám ảnh hơn, bởi dù ở đâu, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào thì phụ nữ và trẻ em luôn là những người chịu nhiều thiệt thòi nhất và ít khả năng tự vệ nhất. Chính Quy cũng đã có lần “cảm thấy đau thắt nơi ngực. Hình như ở đời, có bao nhiêu nỗi khổ, nỗi bất công thì người phụ nữ phải hứng chịu tất cả” [2].

Chiến tranh với tất cả những mất mát, đau đớn, dày vò... đã trở thành một quá khứ tàn khốc, bi thảm trong nhân vật Quy để đến hơn mười năm sau, ở cái tuổi thanh xuân đẹp nhất của đời người, chị phải hứng chịu những hậu quả nặng nề của nó. Chiến tranh hiện hình trong những cơn mê sảng, co giật. “Chị lang thang đi trên những con đường dài hun hút và điều khiến chị sợ hãi là dưới địa ngục, cuộc chiến tranh vẫn chưa chấm dứt. Những thằng ác ôn như thằng Giám Tuân, quận phó cảnh sát Thường... vẫn tác oai, tác quái...” [2].

Hai tên dân vệ độc ác trong phòng giam của Hội đồng xã, những đòn tra tấn dã man của nhà lao Côn Đảo, bộ mặt lạnh lùng, phản bội của Giám Tuân... luôn hiện lên trong những cơn mê sáng khùng khiếp của chị. Những giấc mơ quái đản ấy hành hạ chị cho đến tận cuối đời.

Những trang viết về chiến tranh của Nguyễn Trí Huân đã thêm một lần nữa tố cáo tội ác của chiến tranh và khẳng định bản lĩnh, sức mạnh phi thường của con người trong chiến tranh. Quy - một cô gái bé nhỏ nhưng đầy nghị lực, can trường, đã dám đối diện với nỗi đau, vượt qua nó để trở về với cuộc sống bình thường, với những khát vọng đau đớn bình dị. Chiến tranh là môi trường hủy diệt ghê gớm nhưng nó không thể tàn phá tâm hồn và những phẩm chất tốt đẹp của con người. Quy vẫn là người phụ nữ nhân hậu, vị tha và khao khát được yêu thương. Cầm thù Giám Tuân nhưng chị đã không thể bắn hấn bởi đứa bé hấn bế trên tay. *“Chị đã không thể nào còn được làm mẹ vì đã dành lòng yêu thương đưa con nhỏ vô tội của kẻ thù”* [1]. Chiến tranh nghiệt ngã và cay đắng như vậy. Nghị lực, tình yêu đã giúp chị vượt qua tất cả để có ngày được trở về, được *“đặt chân xuống con đường tràn ngập bóng râm của những vườn dừa đang cho lứa quả đầu tiên”*, được sống một cuộc sống dù ngắn ngủi, đắng chát, dù *“khó khăn, đơn độc nhưng vẫn đáng yêu, đáng sống biết bao”* [2].

KHÁT VỌNG ĐAU ĐÓN VỀ TÌNH YÊU VÀ HẠNH PHÚC

Chim én bay của Nguyễn Trí Huân được triển khai trên hai trục quan hệ chính: Quy - Giám Tuân (và vợ con hấn)/ Quy - Cường (và đội viên đội *Chim én*). Trục quan hệ thứ nhất đã dẫn chị đến những mất mát trong cuộc đời, đến nỗi day dứt khôn nguôi sau này (chúng tôi sẽ đề cập đến ở phần 3). Trục quan hệ thứ hai chính là bi kịch trong tình yêu của chị.

“Những trang viết về tình yêu của Quy và Cường là những trang khó viết. Bởi vì biểu hiện của tình yêu ở một cô gái mới trưởng thành, cũng như ở Cường nhiều khi mơ hồ, lẫn lộn với nhiều thứ tình cảm vốn hết sức tinh vi khác... Ngòi bút của Nguyễn Trí Huân nắm bắt khá tinh tế những biểu hiện của tâm lý lứa tuổi, khá đậm thắm và biết dừng lại nhường chỗ cho sự liên tưởng của người đọc” [3].

“Tình yêu đã đến với Quy từ mơ hồ đến rõ rệt, từ hồi hộp đến lo thất, rồi sung sướng, đón đầu... như một niềm khao khát mãnh liệt nhất cho đến cuối đời” [3]. Với Quy, Cường là chỗ dựa tinh thần vững chắc, là người giúp chị có nghị lực để hoàn thành nhiệm vụ, để vượt qua mọi gian khổ, thử thách, người tin cần luôn che chở, bảo vệ chị, người chị đã nhận là người yêu, là chồng... *“Một tình yêu âm thầm không ý thức, luôn bị dồn nén giống như một con chim bị nhốt đêm đêm vẫn đập cánh lòng lên trong ngực chị”* [2]. Nguyễn Trí Huân đã miêu tả tâm lý nhân vật một cách tự nhiên, logic và thuyết phục. Quy đã dành những nhịp đập đầu tiên của trái tim mình cho Cường, từ ước ao được sống cùng anh khi chiến tranh kết thúc, từ cái đêm dài đằng đặc dưới căn hầm bí mật với bao tình cảm phức tạp, rắc rối nhưng đã *“chấm dứt một cái gì và bắt đầu một cái gì vừa mơ hồ vừa rõ ràng trong cuộc đời chị”* [2]. Chị nhận ra mình đã yêu anh bắt đầu từ đêm hôm ấy, dù khi đó chị mới là một cô bé 15. Tình yêu cứ lớn dần, chín dần cho đến lúc chị nhận ra anh quan trọng với chị đến mức nào: *“Chị cảm thấy bơ vơ, cô đơn... chị nhớ anh, mong anh khắc khoải... với một cái gì thật da diết, sâu nặng... chị không thể thiếu được anh. Anh đã là tất cả đối với chị: vừa là cha, là anh, là chị Hảo... Một cái gì đó thật mãnh liệt, thật mơ hồ đang hình thành, đang vỡ ra để biến một cô bé thành một cô gái trọn vẹn”* [2]. Mỗi thủ sâu sắc, tình yêu thương da diết... đã khiến chị cảm sung, một mình bước tới trụ sở hội đồng xã bắn chết kẻ thù để chấm dứt những căng thẳng, đau đớn, day dứt, để rồi sau đó lê lết qua các nhà tù, rơi vào chuỗi bi kịch cay đắng của cuộc đời.

Bi kịch tình yêu của Quy bắt đầu khi chị trở lại cuộc sống bình thường. Lẽ ra chị hoàn toàn có thể được hưởng một tình yêu, một cuộc sống hạnh phúc. Cuộc đoàn tụ, sum họp giữa chị và Cường đã sớm rơi vào đau khổ bởi anh *“không đủ can đảm để chia sẻ những mất mát của chị”*. Dù đau đớn tột cùng, dù cảm thấy *“một cái gì đấy đang đứt rời ra trong cơ thể của mình”* [2] chị vẫn can đảm nói lời chia tay với anh, để rồi tiếp tục sống lặng lẽ, cô đơn với tình yêu luôn cháy bỏng, khao khát.

Ám ảnh chiến tranh khiến chị đau đớn nhưng có lẽ những khát vọng hạnh phúc bình thường của một người vợ, người mẹ còn khiến chị đau đớn hơn gấp bội “*những đêm chị để đèn ngủ đến sáng mở radio thật to cho đỡ trống trải*”, “*Lòng chị se lại khi gặp hai chiếc gối trắng đặt bên nhau trên chiếc giường gỗ mới*”... “*Hầu hết những đêm thao thức bởi những khát vọng bình thường của người phụ nữ chưa hề được làm vợ, làm mẹ, chị đã sống bằng mộng mị với Dũng... tỉnh dậy, người chị trở nên phờ phạc... chị vội vã chạy lao ra ngoài, cố trấn tĩnh cho thật tỉnh táo*”... “*Người chị tê dại, cái ước muốn được chia sẻ, được thỏa mãn đột ngột đốt cháy trái tim chị... chị ôm riết lấy anh, cảm thấy đau thất nơi ngực bởi một sự mất mát*” [2]. Nhà văn đã miêu tả những cảm giác, khát vọng thật bình dị, đơn sơ mà sao khó khăn và đau đớn đến tột cùng với Quy... Chiến tranh đã để lại những hậu quả tinh thần nặng nề trong tâm khảm con người như vậy. Biết bao số phận như Quy đã im lặng, cay đắng, đơn độc sống...

Đi hết cuộc đời ngắn ngủi của mình, Quy đã tìm thấy tình yêu, chị đã nhớ, thương và được đáp lại. “*Lòng chị tràn ngập hạnh phúc, mặc dù niềm hạnh phúc đó chỉ đến với chị trong chốc lát*” [2]. Nhưng cái hẹn thắm giềng của anh trung đoàn trưởng trung đoàn bộ binh ấy mãi mãi không được thực hiện bởi chị đã ra đi vì căn bệnh ung thư quái ác do di chứng của chiến tranh. “*Niềm hạnh phúc đến với chị thật muộn màng nhưng đã đền bù được tất cả những gì mà chị từng mất mát*” [2].

Nhìn sâu vào nỗi cô đơn, sự khao khát đầy thiên tính nữ của nhân vật, nhà văn đã bày tỏ niềm cảm thông sâu sắc với số phận con người sau cuộc chiến. Tác phẩm vì thế tự nó đã trở về với cội nguồn của cảm hứng nhân văn.

NỖI KHẮC KHOẢI, DAY DỨT VỀ HIỆN TẠI

Xuyên suốt trong tác phẩm là nỗi trăn trở day dứt “*tìm lại nhà những tên ác ôn mình đã giết xem vợ con chúng hiện sống ra sao*” của nhân vật Quy. Điều đó khiến chị không thể sống thanh thản. “*Không phải là sự phản tỉnh, hối hận, tự vấn lương tâm, bởi vì quá khứ vốn hết sức rạch ròi trong chị và nếu phải làm*

lại, chị vẫn không thể làm khác” [3] “*vì đó là sinh mệnh, là sự mất còn của cả quê hương chị*” [2]). Cái khắc khoải khó gọi tên ấy, cùng với hình ảnh chị Năm - vợ Giám Tuân với tiếng thét “*chạy đi*” đã cứu chị, cứu day dứt trong chị, khiến chị đã nhiều lần đến nhà Giám Tuân, nhiều lần bênh vực vợ con hắn, mang gạo đến cho mấy mẹ con...

Chính Quy cũng không hiểu vì sao chị lại như vậy. Nhưng có một điều dễ hiểu. Chị là người nhân hậu và vị tha. Chị căm thù Giám Tuân, chính hắn là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến bao bi kịch trong cuộc đời chị, theo quy luật chị hoàn toàn có thể thù ghét vợ con hắn và hoàn toàn có thể không bận tâm đến họ. Nhưng lòng trắc ẩn, bao dung của chị vốn không hề lẫn lộn, thậm chí vượt qua hận thù từ ngày cô bé 15 trong chị đứng sững, không dám nổ súng vào Giám Tuân bởi hắn bế trên tay đứa trẻ. Chị đã thông cảm sâu sắc với chị Năm - vợ Giám Tuân: một cuộc đời cũng đầy cay đắng và bất hạnh: cô du kích trong sáng nhưng nhu nhược, ghê tởm chồng đến cực độ nhưng vẫn phải sống chung cho đến khi hắn chết, chịu bao tủi cực với thân phận vợ của tên phản bội và nỗi đau đớn của “*người mẹ khi biết con mình suốt đời phải mang tiếng là con của tên ác ôn*” [2]- Người phụ nữ ấy đau khổ đến mức giả điên để đối phó với cuộc đời, cuối cùng tự tìm đến cái chết giải thoát cho mình dù chị đã từng ý thức sâu sắc: “*sống để làm gì? Nhưng chết được cũng khó... Còn 2 đứa nhỏ lúc nào cũng lăm le báo thù. Bởi vậy tôi không chết được*”... [2].

Những số phận như vợ Hai Dích, chị Năm, những đứa trẻ lớn lên trong thù hận và sự khinh ghét của mọi người xung quanh... là một khía cạnh khác của chiến tranh. Làm thế nào để phá vỡ định kiến của một tập thể? Làm thế nào để “*khắc phục những ấn tượng và quan niệm thiếu nhân đạo đối với gia đình nguy quân, nguy quyền cũ*”. Làm sao để “*những ai làm tốt nghĩa vụ công dân, dù xuất thân từ thành phần nào, có quá khứ thế nào đều đáng được khen ngợi*”. Làm sao để “*trẻ em... được bình đẳng như nhau, bởi chúng không hề tham dự vào tội ác của cha mẹ chúng và đừng đẩy chúng về phía tội ác mà lẽ ra chúng nó có thể xa lánh được*” [2]...

Đó thực sự là những vấn đề bức thiết được đặt ra sau cuộc chiến. Văn hy sinh bản thân mình vì người khác, cho đến cuối đời, Quy đã đấu tranh quyết liệt để giành lấy sự bình đẳng cho cuộc sống của những gia đình người thân của những tên phản bội. “*Đến cuối cuộc đời mình, chị vẫn còn kịp làm thêm một việc kỳ diệu: hàn gắn nỗi đau chiến tranh cho con trai kẻ thù bằng chính nỗi đau của mình*” [1]. Quyết định của Thường vụ Đảng ủy thành lập quỹ phúc lợi trợ giúp những người khó khăn bất kể thuộc thành phần nào, đưa trẻ con chị Năm sẽ được cấp sách tới trường... là một hé mở cho một tương lai tươi sáng hơn, cho một ước vọng “*cái ác bị vùi sâu chôn chặt trong đời sống hàng ngày, cho một thể hệ cấp sách đến trường, không biết thế nào là tang tóc, chiến tranh...*”[2].

Chim én bay là một cuốn tiểu thuyết xúc động và thuyết phục người đọc. Dõi theo ký ức của nhân vật Quy, đồng hành với mọi cảm xúc của nhân vật, người đọc có thể nhận thấy thông điệp của tác giả: “*Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ đã để lại trên quê hương chị những hậu quả tinh thần thật nặng nề - những hậu quả mà chị đành nhìn rằng, thế hệ của chị, thế hệ đã trải qua cuộc chiến tranh tàn khốc ấy không dễ gì có thể khắc phục hết được*”[2]. Những hậu quả tinh thần ấy vẫn tồn tại, dai dẳng tới tận bây giờ, khi đất nước đã trải qua hơn 30 năm thống nhất... Đó là nước mắt màu da cam của những nạn nhân chất độc diôxin, là những người lính bị bỏ quên sau cuộc chiến, là những số phận dở

dang, cô độc....Giải quyết những tồn tại, những bi kịch ấy là ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân. Đề cuộc sống này không còn những số phận bất hạnh như Quy, để lời hát trẻ thơ vang lên ý nghĩa và trong sáng:

“*Em mong sao trên trái đất hoa thơm nở bốn mùa
Em mong sao trên trái đất không còn sự chia lìa
Em mong sao trên trái đất mọi con người
Như em đây là chim trắng bay giữa trời ...
Sống để yêu thương....*”

Chọn một góc độ khai thác mới từ một đề tài quen thuộc, với *Chim én bay*, Nguyễn Trí Huân đã góp một tiếng nói riêng vào dòng văn học chiến tranh sau 1975. Thủ pháp đồng hiện với sự đan xen giữa quá khứ và hiện tại, sự đứt nối của cảm xúc tô đậm nỗi đau, sự cô đơn; nghệ thuật xây dựng tình huống với hàng loạt tình huống éo le bi kịch trong cuộc đời nhân vật; nghệ thuật miêu tả tâm lý; giọng điệu khắc khoải suy ngẫm với những day dứt, trăn trở... đã thể hiện rõ nét cảm hứng bi kịch trong tác phẩm và mang lại một sáng tạo nghệ thuật mới, có giá trị trong văn học Việt Nam hiện - đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thị Long Hòa, “Chim én bay”, www.nhabubu.com/khoa-hoa/hoa/doc-viet
- [2]. Nguyễn Trí Huân (2007), *Chim én bay*, Nxb Văn học.
- [3]. Lê Thành Nghị (2007), “*Chim én bay* - một cuốn tiểu thuyết thành công”, phụ lục cuốn *Chim én bay*, Nxb Văn học.

SUMMARY

**TRAGEDY INSPIRATION IN THE NOVEL *FLYING SWALLOW*
BY NGUYEN TRI HUAN****Ngô Thu Thủy****College of Education - TNU*

The novel *Flying Swallow*, written by Nguyen Tri Huan in 1987, has won awards of Literature - Department of Defense 1985 - 1989 and of the Vietnam Writers' Association 1988 -1989. The writer has exploited the loss, trauma, wounds in human's hearts ... when writing about wars by a view of world affairs. Tragedy inspiration in the work is shown quite clearly through the fate of the character Quy, associated with the tragic memories of the war, the painful aspiration of love, happiness and concern, torment of the present ... With current memory technology, Nguyen Tri Huan looked deeply into drama of his characters, therefore, he put forward the pressing issues and the significance of settling consequences of the war after the war.

Keywords: *Tragedy inspiration, Flying Swallow, Nguyen Tri Huan, the war, characters, current memory*

* Tel: 0912.551.751